

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

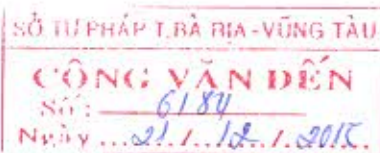
Số: 80 /2015/NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Bà Rịa, ngày 11 tháng 12 năm 2015

NGHỊ QUYẾT

Phê duyệt kế hoạch đầu tư công năm 2016



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU KHOÁ V, KỲ HỌP THỨ 11

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân năm 2004;

Sau khi xem xét Tờ trình số 150/TTr-UBND ngày 30/11/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về kế hoạch đầu tư công năm 2016; Báo cáo thẩm tra số 114/BC-KTNS ngày 07/12/2015 của Ban Kinh tế-Ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch đầu tư công năm 2016 theo Tờ trình số 150/TTr-UBND ngày 30/11/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh với những nội dung chính:

1. Tổng nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2016 là 5.058,81 tỷ đồng, bao gồm:

a) Vốn Trung ương 231 tỷ đồng, bao gồm:

- Vốn Trung ương hỗ trợ theo mục tiêu: 192 tỷ đồng.
- Vốn nước ngoài (ODA): 39 tỷ đồng.

b) Vốn ngân sách tỉnh 4.827,81 tỷ đồng, bao gồm:

- Vốn cân đối ngân sách địa phương: 3.132,35 tỷ đồng.
- Nguồn thu tiền sử dụng đất: 250 tỷ đồng.
- Vốn xổ số kiến thiết: 896,33 tỷ đồng.
- Vốn trái phiếu chính quyền địa phương: 500 tỷ đồng.
- Vốn thành phố Hồ Chí Minh tài trợ 74,13 tỷ đồng.

2. Về phân bổ kế hoạch đầu tư năm 2015 với tổng vốn 5.058,81 tỷ đồng như sau:

a) Vốn Trung ương hỗ trợ: 231 tỷ đồng:

- Các dự án Trung ương hỗ trợ theo mục tiêu: Theo danh mục chương trình dự án Trung ương giao: 192 tỷ đồng.

- Vốn ODA phân bổ cho 2 dự án Thu gom và xử lý nước thải Thành phố Vũng tàu và Thành phố Bà Rịa: 39 tỷ đồng.

b) Vốn ngân sách tỉnh: 4.827,81 tỷ đồng:

- Đầu tư các xã thuộc chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 260,0 tỷ đồng.

- Đầu tư cơ sở hạ tầng Chương trình 135 giai đoạn III: 50 tỷ đồng.

- Bổ sung vốn đầu tư và hỗ trợ đầu tư một số dự án cụ thể cho ngân sách huyện, thành phố: 311,5 tỷ đồng.

- Vốn các dự án tỉnh quyết định đầu tư: 4.206,31 tỷ đồng. Phân bổ cho 74 dự án hoàn thành với số vốn 380,571 tỷ đồng, 156 dự án chuyển tiếp 3.305,739 tỷ đồng, 32 dự án khởi công mới 500 tỷ đồng và 167 dự án chuẩn bị đầu tư 20 tỷ đồng (có danh mục dự án đính kèm phụ lục 01 và phụ lục 02).

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất bổ sung nguyên tắc: Chỉ bố trí vốn xây lắp cho các công trình khi đã có mặt bằng xây dựng để bàn giao toàn bộ hoặc từng phần theo tiến độ xây dựng.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu Khóa V, Kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 11/12/2015 và có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- UBTV Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban CTĐB-UBTVQH;
- Bộ Kế hoạch-Đầu tư;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB);
- TTr.Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- TTr.HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Các Ban của HĐND, ĐB.HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể trong tỉnh;
- TTr.HĐND, UBND các huyện, TP;
- Website HĐND tỉnh;
- Trung tâm Công báo và Tin học tỉnh;
- Báo BR-VT, Đài PTTH tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND/110b/11.12.2015/C1.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Hồng Lĩnh



KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ XDCB NĂM 2016 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
(Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 30 /2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 của HĐND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quy mô xây dựng	Giá trị công trình	Đã đầu tư đến hết năm 2015	KH 2016			Ghi chú
						Tổng số	Trong đó vốn XSKT	Trong đó BTGPMB	
	TỔNG SỐ					3.706.310	896.330	659.538	
A	TTKL DA ĐÃ HOÀN THÀNH					380.571			
1	Trường THCS phường 5 TP Vũng tàu	UBND TP Vũng tàu	36 phòng học	66,544	46,863	2,000			
2	Đường Lê Quang Định từ đường 30/4 đến đường Bình giả phường 10 TPVT	UBND TP Vũng tàu	1.934m	50,000	48,994	1,000			
3	Trường tiểu học Nguyễn Văn Linh TPVT	UBND TP Vũng tàu	30 phòng học	90,750	72,132	10,000	10,000		
4	Mở rộng trường tiểu học bán trú Hạ long TPVT	UBND TP Vũng tàu	32 phòng học	37,169	23,775	8,000	8,000		
5	Mở rộng trường tiểu học Nguyễn Thái Học TPVT	UBND TP Vũng tàu	30 phòng học	69,138	47,443	11,000	11,000		
6	Trường mầm non Phường 2	UBND TP Vũng tàu	8 nhóm lớp	22,391	17,050	4,000	4,000		
7	Trường mầm non Sao Kim TPVT (tại trụ sở cũ của Ban Tổ chức tỉnh ủy số 28 Lý Thường Kiệt)	UBND TP Vũng tàu	12 nhóm lớp	37,043	30,006	3,000	3,000		
8	Cải tạo nâng cấp đường Bến Nôm	UBND TP Vũng tàu	923,89 m	42,789	32,000	5,000			
9	Nâng cấp trường tiểu học Phước bửu (khối hiệu bộ, khối bộ môn, bán trú)	UBND H.Xuỳn mợc	4.989m2	25,399	23,699	1,700			
10	Trường tiểu học Hòa Hội	UBND H.Xuỳn mợc	20 phòng học	26,147	23,966	2,000			
11	Trường mẫu giáo huyện Xuỳn mợc	UBND H.Xuỳn mợc	15 nhóm lớp	43,924	42,929	400			
12	Chợ xã Hòa hưng huyện Xuỳn mợc	UBND H.Xuỳn mợc	7.300m2; 112 quầy sạp	20,665	19,534	1,100			
13	Giai đoạn 2 trường THCS Xuỳn mợc	UBND H.Xuỳn mợc	2.256 m2	19,900	19,515	640			
14	Chợ xã Tân lâm huyện Xuỳn mợc	UBND H.Xuỳn mợc	1,649 ha; 120 quầy sạp	21,737	17,720	2,000			
15	Trường tiểu học Phước tấn xã Phước tấn	UBND H.Xuỳn mợc	13 phòng học	37,117	22,616	7,000	7,000		
16	Khu tái định cư xã Hắc dịch	UBND H.Tân thành	15,6ha; 457 nền đất	97,757	93,892	3,500			
17	Trường mầm non xã Tân phước	UBND H.Tân thành	10 nhóm lớp	28,896	27,852	1,000			
18	Trường mẫu giáo Phước tỉnh	UBND H.Long điền	12 nhóm lớp	29,810	19,864	9,320			Đã QT

S T T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quy mô xây dựng	Giá trị công trình	Đã đầu tư đến hết năm 2015	KH 2016			Ghi chú
						Tổng số	Trong đó vốn XSKT	Trong đó BTGPMB	
19	Trường tiểu học bán trú Phước hưng 3	UBND H.Long điền	28 phòng	71,261	56,356	6,000	6,000		
20	Đường QH số 9 thị trấn Long hải	UBND H.Long điền	658,23m	51,839	44,878	6,000			
21	Trường mầm non Phước Hưng 2	UBND H.Long điền	5 nhóm lớp	29,469	18,881	8,000	8,000		
22	Trường mầm non Phước hải 3	UBND H.Đất đỏ	14 nhóm lớp	45,694	40,965	4,000	4,000		
23	Cải tạo lưới điện 22KV Côn đảo	UBND H.Côn đảo	14.757m trung thế, 24.63 lm hạ thế, 750KVA	54,110	48,719	4,500			
24	Mở rộng nâng công suất nhà máy điện An hội Côn đảo	UBND H.Côn đảo	3.000KVA	95,184	80,648	8,000			
25	Hệ thống cấp nước khu trung tâm Côn đảo	UBND H.Côn đảo	13.273m; D60-D165	9,400	8,151	1,000			
26	HTKT khu tái định cư phục vụ khu công nghiệp đồ thị Châu Đức	UBND H.Châu đức	44,3 Ha; 1.039 lô đất và 300 căn hộ chung cư	166,277	143,568	9,680			
27	Đường QH số 25 thị trấn Ngãi giao huyện Châu đức	UBND H.Châu đức	2.150,5m	100,173	86,299	8,000			
28	Đường số 11 thị trấn Ngãi giao	UBND H.Châu đức	2.145,23 m	102,329	94,863	4,000			
29	Trường mầm non Nghĩa thành	UBND H.Châu đức	14 nhóm lớp	30,516	29,989	500			
30	Trường THCS Lý Thường Kiệt	UBND H.Châu đức	24 phòng học	66,003	63,983	2,000	2,000		
31	Trường mầm non xã Xà bang	UBND H.Châu đức	18 nhóm lớp	59,311	54,987	4,000	4,000		
32	Nâng cấp nhà máy nước Châu pha	TTNSH&VSMT	5.000m3/ngày	37,662	36,265	1,000			
33	Tuyến ống chuyển tải nước Châu pha-Đá bạc	TTNSH&VSMT	15.895m; D250	25,586	23,396	2,000			
34	XD mới trụ sở Chi cục Quản lý thủy nông	TT Quản lý khai thác công trình thủy lợi	1.046m2	10,428	9,838	500			
35	Trạm bơm tại cống tiêu Phước Bửu	TT Quản lý khai thác công trình thủy lợi	3x280m3/h	9,340	8,010	1,000			
36	XD trường Chính trị tỉnh	Trường Chính trị Tỉnh	14.510m3; 3.000 lượt học viên/năm	138,040	106,745	19,000			
37	Thiết bị tường cao đẳng cộng đồng	Trường Cao đẳng cộng đồng		35,000	31,084	4,000			
38	Trung tâm Đăng kiểm phương tiện GTVT	Trung tâm Đăng kiểm		49,088	37,933	3,500			

S T T	Danh mục dự án	Chữ đầu tư	Quy mô xây dựng	Giá trị công trình	Đã đầu tư đến hết năm 2015	KH 2016			Ghi chú
						Tổng số	Trong đó vốn XSKT	Trong đó BTGPMB	
39	Trường Trung học y tế	Sở Y tế	700 HS	104,549	96,916	5,000	5,000		
40	Trung tâm chăm sóc sức khỏe sinh sản tại Bà Rịa	Sở Y tế	3.300m ²	38,388	36,580	1,500	1,500		
41	TT phòng chống HIV/AIDS	Sở Y tế	2.995m ²	40,305	27,641	3,000	3,000		
42	TT Hành chính-Chính trị Tỉnh (Trụ sở cơ quan khối Chính quyền)	Sở Xây dựng	55.911m ²	610,831	568,512	42,319			
43	Trường chuyên Lê Quý Đôn TP Vũng tàu	Sở Xây dựng	42 phòng	301,643	293,113	8,530	8,530		
44	XD mới BV Tỉnh tại Bà Rịa	Sở Xây dựng	700 giường	776,957	754,835	22,000	22,000		
45	Bia tưởng niệm trung đoàn 4-Quần khu 7	Sở VH-TT và DL	2.000m ²	16,480	13,968	1,000			
46	Nhà Bảo tàng Côn Đảo (Hạng mục trung bày)	Sở VH-TT và DL		65,823	64,984	800			
47	Xây dựng khu hậu cứ cho Đoàn ca múa nhạc của Tỉnh tại Bà Rịa (Trụ sở Đoàn ca múa nhạc tỉnh)	Sở VH-TT và DL	2.274m ²	45,121	39,802	3,500			
48	Trụ sở làm việc Trung tâm công nghệ thông tin và Truyền thông	Sở Thông tin và Truyền thông	2.228m ²	27,327	21,858	2,000			
49	XD kho lưu trữ chuyển dụng của tỉnh tại lô B khu Trung tâm Hành chính-Chính trị tỉnh	Sở Nội vụ	6.652m ²	136,000	128,365	4,500			
50	Hệ thống tưới Châu pha-Sông xoài	Sở NN và PTNT	18.140m, tưới 570 ha	34,954	31,808	2,000			
51	Pháo cảnh báo an toàn tỉnh không khu vực sân bay Có Ông-Côn đảo	Sở GTVT	8 pháo	5,084	4,500	584			
52	Đường 51B (Đoạn cuối QL 51)	Sở GTVT	12,02km	654,968	658,925	15,000			Thu hồi tạm ứng NS 11.750 tr đồng
53	Sửa chữa lớn tỉnh lộ 44A	Sở GTVT	7,607 km	92,018	75,000	12,000			
54	XD các phòng chức năng trường THPT Long Hải-Phước tỉnh	Sở GD và ĐT	1.560 m ²	13,803	11,741	2,000	2,000		
55	Sửa chữa nâng cấp trường THPT Xuyên Mộc	Sở GD và ĐT	2.911m ²	44,429	42,071	2,000	2,000		
56	Cải tạo nâng cấp trường THPT Phú Mỹ huyện Tân thành	Sở GD và ĐT		37,911	33,537	3,000	3,000		
57	Nâng cấp mở rộng trường THPT Hòa hội	Sở GD và ĐT	8 phòng học	77,710	52,699	3,000	3,000		
58	Nâng cấp mở rộng trường THPT Ngô Quyền	Sở GD và ĐT	12 phòng học	37,674	35,996	1,000			
59	XD giai đoạn 2 Trung tâm Giáo dục thường xuyên-Hướng nghiệp thị xã Bà Rịa	Sở GD và ĐT	4.723 m ²	56,309	45,710	5,000	5,000		
60	Đường dây trung thế cấp điện cho KCN Đá Bạc huyện Châu Đức	Sở Công thương	5.800m;	5,969	5,500	100			

S T T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quy mô xây dựng	Giá trị công trình	Đã đầu tư đến hết năm 2015	KH 2016			Ghi chú
						Tổng số	Trong đó vốn XSKT	Trong đó BTGPMB	
61	Hệ thống sản xuất chương trình thu qua vệ tinh Đài PTTH Tỉnh	Đài PTTH tỉnh		18,132	18,047	95			
62	Trạm tiếp phát sóng phát thanh truyền hình của tỉnh tại huyện Châu đức	Đài PTTH tỉnh	378,8m2	15,188	14,848	300			
63	XD nhà làm việc Trung tâm sản xuất chương trình-Đài PTTH Tỉnh	Đài PTTH tỉnh	1.703m2	16,728	16,165	500			
64	Nhà ở xã hội tại khu Chín A phường Thắng nhất thành phố Vũng tàu	XN QL và KD nhà	451 căn hộ	403,228	348,319	30,000			
65	Nâng cấp hệ thống đường mòn du lịch sinh thái Vườn Quốc gia Côn đảo	Vườn QG Côn đảo		26,340	25,983	300			
66	Trung tâm huấn luyện bồi dưỡng nghiệp vụ công an tỉnh	Công an Tỉnh	8.711 m2	44,666	35,974	7,000			
67	Trụ sở CA phường 10 TPVT	Công an Tỉnh		9,189	6,151	3,038			
68	Trụ sở CA Tỉnh tại Bà Rịa	Công an Tỉnh	42.404m2	406,735	388,917	14,000			
69	Nhà ở và làm việc đại đội và mở rộng nhà ăn thuộc Trung đoàn ĐBĐV Minh Đạm	BCHQS Tỉnh	1.605m2	9,095	8,400	650			
70	Doanh trại Đại đội công binh 46 tại xã Phước Hội huyện Đất Đỏ	BCHQS Tỉnh	1.648 m2	21,993	17,000	4,500			
71	XD hội trường D2, chốt Ông Dung và kho xăng dầu tại Côn đảo	BCHQS Tỉnh	490 m2	14,953	13,974	900			
72	Trạm kiểm soát biên phòng Cái mép	BCH Biên phòng Tỉnh	777m2	40,054	39,205	800			
73	Xây dựng trụ Sở Bộ chỉ huy Biên phòng Tỉnh tại BR (DA san nền và kê bao)	BCH Biên phòng Tỉnh	5 ha	48,714	45,433	3,300			
74	HTKT bãi biển Thùy Vân TPVT	Cy CP Xây lắp và Địa ốc Vũng Tàu				6,015			Thu hồi tạm ứng ngân sách 6,015 tr đồng
B	DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP					2.805,739			
1	Đường Ngõ quyền phường 10 TPVT	UBND TP Vũng tàu	1.487m	68,413	49,752	2,000		2,000	
2	Khu di tích lịch sử nhà má Tám Nhung và TT Văn hoá học tập cộng đồng phường 6 TPVT	UBND TP Vũng tàu	1.084m2	32,341	28,127	3,700			
3	BTGPMB TT Hành chính TP Vũng tàu	UBND TP Vũng tàu	90.394m2	72,776	45,774	18,000		18,000	

S T T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quy mô xây dựng	Giá trị công trình	Đã đầu tư đến hết năm 2015	KH 2016			Ghi chú
						Tổng số	Trong đó vốn XSKT	Trong đó BTGPMB	
4	Khu tái định cư Tây Bắc đường AIII thành phố Vũng tàu	UBND TP Vũng tàu	24,8ha; 513 lô đất	493,342	46,866	35,000		35,000	
5	Trường tiểu học Bến Nôm phường 10	UBND TP Vũng tàu	30 phòng học	104,966	8,403	18,000	18,000	12,000	
6	Trường mầm non Phước cơ	UBND TP Vũng tàu	12 nhóm lớp	46,245	23,523	10,000	10,000		
7	Trường THCS Hàn Thuyên (thay cho trường THCS phường 9)	UBND TP Vũng tàu	36 phòng học	114,285	2,192	15,000	15,000	15,000	
8	Trường tiểu học phường 2 TPVT	UBND TP Vũng tàu	30 phòng học	84,592	1,971	1,000			
9	Trường tiểu học phường 12 TPVT	UBND TP Vũng tàu	36 phòng học	104,164	19,603	15,000	15,000	10,000	
10	Trường mầm non Phường Thắng Tam	UBND TP Vũng tàu	15 nhóm lớp	53,251	34,710	10,000	10,000		
11	Đường vào trường THCS phường 12 TPVT	UBND TP Vũng tàu	761m	81,974	28,949	10,000		5,000	
12	Trường mầm non phường 9 TPVT	UBND TP Vũng tàu	8 nhóm lớp	34,703	21,170	7,000	7,000		
13	Trường mầm non Phường 6	UBND TP Vũng tàu	10 nhóm lớp	34,564	23,200	6,000	6,000		
14	Trường mầm non Rạch Dừa Phường Rạch Dừa	UBND TP Vũng tàu	18 nhóm lớp	120,719	14,200	25,000	25,000	24,000	
15	Trường mầm non Phường 12	UBND TP Vũng tàu	15 nhóm lớp	52,000	10,000	10,000	10,000		
16	Trường THCS phường 8 (trường THCS Phan Văn Trị)	UBND TP Vũng tàu	40 phòng học	143,421	15,000	25,000	25,000		
17	Đường Chí Linh (Nguyễn Hữu Cánh) TPVT	UBND TP Vũng tàu	1.268 m	137,234	16,000	25,000		16,300	
18	BTGPMB và HTKT khu tái định cư tại chỗ công viên 30/4 thị xã Bà Rịa	UBND TP Bà Rịa	10,37ha; 486 lô đất	130,947	86,803	7,000			
19	Khu tái định cư phía Bắc hương lộ 10 phường Long tâm thị xã Bà Rịa (phục vụ BTGPMB khu Vạn kiếp)	UBND TP Bà Rịa	10,56ha; 393 lô đất	112,995	92,988	18,000			
20	Khu bán trú và 12 phòng học trường tiểu học Kim dinh	UBND TP Bà Rịa	12 phòng	59,689	33,000	11,000	11,000		
21	Trường mầm non Phước nguyên	UBND TP Bà Rịa	20 nhóm lớp	50,573	20,969	10,000	10,000		
22	Mở rộng khu tái định cư Đông QL.56 thị xã Bà Rịa	UBND TP Bà Rịa	12,46ha; 1.350 căn hộ và 322 nền đất	339,190	266,619	18,000			
23	Đường vào KCN Kim Dinh (Đường QH số 14 phường Kim dinh)	UBND TP Bà Rịa	1.363 m	112,962	55,850	20,000			
24	Hương lộ 10 thị xã Bà Rịa	UBND TP Bà Rịa	4.959 m	411,350	196,186	70,000			Thu hồi tạm ứng ngân sách 20.000 triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quy mô xây dựng	Giá trị công trình	Đã đầu tư đến hết năm 2015	KH 2016			Ghi chú
						Tổng số	Trong đó vốn XSKT	Trong đó BTGPMB	
25	Trường mầm non Phước Hiệp	UBND TP Bà Rịa	20 nhóm lớp	98,467	50,000	15,000	15,000		
26	Đường trục chính xã Tân Hưng (giai đoạn II nối Quốc lộ 56)	UBND TP Bà Rịa	1.650 m	167,328	58,991	25,000			
27	Cải tạo bờ Tây sông Dinh	UBND TP Bà Rịa	620m; 5,7 ha	153,663	88,000	15,000			
28	Khu tái định cư cánh đồng mất mùa thị xã Bà Rịa	UBND TP Bà Rịa	2,74ha; 82 căn hộ	205,577	48,000	20,000			
29	HTKT khu quy hoạch xây dựng cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung tại xã Long Phước thị xã Bà Rịa	UBND TP Bà Rịa	8,96 ha	135,448	57,000	25,000			
30	Cổng viên 30/4 (Công viên Bà Rịa) giai đoạn I (gồm đường vào và lễ đài)	UBND TP Bà Rịa	12,12 ha	218,603	40,000	38,000			
31	Đường Nguyễn Tất Thành nối dài	UBND TP Bà Rịa	2.187 m	217,474	40,553	35,000			
32	Trường mầm non Long Xuyên xã Hòa Long	UBND TP Bà Rịa	20 nhóm lớp	74,775	15,000	15,000	15,000		
33	Mở rộng Trường mầm non Long Phước TPBR	UBND TP Bà Rịa	6 nhóm lớp	22,707	7,000	7,000	7,000	5,000	
34	Hạ tầng kỹ thuật khu TTCN phục vụ di dời các cơ sở thủ công nghiệp gây ô nhiễm trên địa bàn thành phố Bà Rịa tại Hòa Long	UBND TP Bà Rịa	9,9 ha	150,647	24,000	20,000		6,000	
35	Trường mầm non Hướng Dương xã Phước Thuận	UBND H. Xuyên Mộc	15 nhóm lớp	60,247	33,819	10,000	10,000		
36	Trường mầm non Bình Châu 2 xã Bình Châu	UBND H. Xuyên Mộc	15 nhóm lớp	71,490	40,998	10,000	10,000		
37	Mở rộng trường THPT Phước bửu huyện Xuyên Mộc	UBND H. Xuyên Mộc	735m2	41,467	15,710	10,000	10,000		
38	Khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão Bến lới Bình châu	UBND H. Xuyên Mộc	15 trụ neo và 48 bộ phao neo	209,788	153,850	13,000			TMBT 289,788 tỷ; NSTW: 80,0 tỷ; NSDP: 209,788 tỷ đồng
39	Khu chế biến hải sản tại Xuyên Mộc	UBND H. Xuyên Mộc	22,5 ha	175,773	70,000	34,000			
40	Đường Hòa hiệp-Bàu ma-Bình châu	UBND H. Xuyên Mộc	14.902 m	52,074	25,188	12,000			
41	Đường QH số 4 (đoạn 2)	UBND H. Xuyên Mộc	2.470m	86,354	15,000	22,000		8,000	
42	Trường tiểu học Hồ Tràm.	UBND H. Xuyên Mộc	16 phòng học	85,925	15,000	10,000	10,000		
43	Đường QH phía Đông và phía Bắc khu tái định cư 44 ha	UBND H. Tân thành	1.312 m	109,421	80,700	20,000			
44	Khu tái định cư xã Tân Phước	UBND H. Tân thành	15,282ha; 498 nền đất	152,333	45,706	25,000			

S T T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quy mô xây dựng	Giá trị công trình	Đã đầu tư đến hết năm 2015	KH 2016			Ghi chú
						Tổng số	Trong đó vốn XSKT	Trong đó BTGPMB	
45	Di dời, tái định cư các hộ dân khu phố Ngọc hà thị trấn Phú Mỹ (nằm trong khu vực 21 ha phía Bắc nhà máy Thép Việt)	UBND H.Tân thành	21 ha	322,067	207,257	20,000		20,000	
46	Trường mầm non Phú Mỹ	UBND H.Tân thành	16 nhóm lớp	57,616	24,469	11,000	11,000		
47	Trường mầm non xã Hắc dịch	UBND H.Tân thành	10 nhóm lớp	62,277	36,000	11,000	11,000		
48	Trường Mầm non xã Tóc Tiên	UBND H.Tân thành	10 nhóm lớp	46,799	27,000	10,000	10,000		
49	Đường quy hoạch P khu đô thị mới Phú Mỹ	UBND H.Tân thành	3.195 m	283,632	47,600	40,000		39,000	
50	Đường vào cụm CN-TTCN Hắc dịch	UBND H.Tân thành	1.414m	20,222	7,000	6,800			
51	Đường QH số 32 khu đô thị mới Phú Mỹ	UBND H.Tân thành	1.370 m	22,005	8,000	8,000			
52	Trường tiểu học Phước tình 1	UBND H.Long diên	28 phòng	96,585	76,855	12,000	12,000		
53	Trường tiểu học bán trú Long hải	UBND H.Long diên	28 phòng	113,443	92,983	15,000	15,000		
54	Đường QH số 7 thị trấn Long hải	UBND H.Long diên	6.102 m	205,954	116,069	25,000			
55	Trường THCS Long hải 2	UBND H.Long diên	28 phòng	93,308	65,134	18,000	18,000		
56	Trung tâm giáo dục thường xuyên huyện Long diên	UBND H.Long diên	20 phòng	81,490	59,199	17,000	17,000		
57	Trường mầm non Long diên 3	UBND H.Long diên	12 nhóm lớp	58,557	41,500	12,000	12,000		
58	Trường tiểu học bán trú Phước tình	UBND H.Long diên	28 phòng	143,070	33,510	25,000	25,000		
59	Trường mầm non Long Hải 3	UBND H.Long diên	12 nhóm lớp	56,020	25,500	12,000	12,000		
60	Trường mẫu giáo Tam Phước huyện Long Diên	UBND H.Long diên	12 nhóm lớp	53,016	31,000	15,000	15,000		
61	Trung tâm hành chính huyện Long diên (giai đoạn 2: Các công trình HTKT, kiến trúc)	UBND H.Long diên	11.876 m2	344,854	20,000	40,000			
62	TT Văn hóa huyện Đất đỏ	UBND H.Đất đỏ	3.829m2	197,783	123,991	35,000			
63	Đường Phước hải-Đất đỏ	UBND H.Đất đỏ	3.863,74m	346,944	278,053	39,000			
64	Khu chế biến hải sản tại Đất Đỏ	UBND H.Đất đỏ	38,05 ha	157,299	80,000	35,000			
65	Trường mầm non xã Phước Hội	UBND H.Đất đỏ	9 nhóm lớp	47,840	22,007	12,000	12,000		
66	Trường THCS Phước Hải 2 huyện Đất Đỏ	UBND H.Đất đỏ	16 phòng học	62,814	10,500	12,000	12,000		
67	Chung cư cho người thu nhập thấp	UBND H.Côn đảo	48 căn hộ	71,358	49,923	10,000			
68	Hồ Quang Trung II Côn Đảo	UBND H.Côn đảo	645.000m3	211,484	25,842	15,000			
69	Khu luyện tập thể dục thể thao trường THPT Võ Thị Sáu	UBND H.Côn đảo	1.316 m2	12,088	4,000	6,000	6,000		
70	Trường THCS Côn Đảo	UBND H.Côn đảo	16 phòng học	125,283	30,000	74,139			Vốn NS TP HCM tài trợ

S T T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quy mô xây dựng	Giá trị công trình	Đã đầu tư đến hết năm 2015	KH 2016			Ghi chú
						Tổng số	Trong đó vốn XSKT	Trong đó BTGPMB	
71	Đường và kè quanh hồ Quang Trung Côn đảo	UBND H.Côn đảo	3,34 km	127,500	10,000	20,000			
72	Trường tiểu học Lê Hồng Phong xã Kim long	UBND H.Châu đức	22 phòng học	44,819	14,326	12,000	12,000		
73	TT văn hóa thể thao huyện Châu đức	UBND H.Châu đức	12.183 m2	186,643	111,036	20,000			
74	Trường mầm non xã Bình ba	UBND H.Châu đức	15 nhóm lớp	45,797	34,982	8,000	8,000		
75	Trường THCS Xã bang	UBND H.Châu đức	18 phòng học	58,495	41,999	12,000	12,000		
76	Trường THCS Cao Bá Quát	UBND H.Châu đức	18 phòng học	76,057	47,995	12,000	12,000		
77	Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Châu đức	UBND H.Châu đức	1.541m2	41,833	27,997	7,000			
78	Trường mầm non Xuân Sơn	UBND H.Châu đức	11 nhóm lớp	65,185	15,000	13,000	13,000		
79	Đường Ngải Giao-Cù Bị	UBND H.Châu đức	8.500 m	109,997	59,000	16,500		16,500	
80	Trạm y tế xã Xã bang huyện Châu đức	UBND H.Châu đức	861 m2	12,783	5,000	7,000	7,000		
81	Trường mầm non xã Bình trung huyện Châu đức	UBND H.Châu đức	16 nhóm lớp	68,236	10,000	15,000	15,000		
82	Đường trung tâm xã Bàu Chinh huyện Châu Đức	UBND H.Châu đức	8.086 m	137,970	15,130	20,000		10,000	
83	DA ODA nước sạch nông thôn tỉnh BR-VT (Nhà máy cấp nước Sông Hóa và Hệ thống cấp nước Hồ Đá đen)	TTNSH&VSMT	5.400m3/ngày đêm	209,200	33,833	25,000			
84	Mở rộng mạng cấp nước các hệ cấp nước huyện Châu Đức và huyện Xuyên Mộc	TTNSH&VSMT	224.505 m; D60-D180	97,799	74,984	18,000			
85	Mở rộng mạng cấp nước các hệ cấp nước huyện Đất Đỏ và huyện Long Điền	TTNSH&VSMT	7.229 m, D90-D160	63,862	55,000	8,000			
86	Mở rộng mạng cấp nước các hệ cấp nước huyện Tân Thành và thị xã Bà Rịa	TTNSH&VSMT	131.049 m; D60-D160	87,739	69,000	16,000			
87	Nhà máy cấp nước Sông Ray	TTNSH&VSMT	10.000 m3/ngày đêm	181,860	60,785	30,000			
88	Cấp nước sạch cho 62 trường học trên địa bàn tỉnh	TTNSH&VSMT	25.754 m; D25-D160	24,660	18,000	6,000			
89	Mở rộng mạng cấp nước 3 xã Sông Xoài, Tóc Tiên, Hắc Dịch	TTNSH&VSMT	80.722m; D63-D168	64,002	26,000	15,000			
90	Đường QH D10 khu du lịch Chi Linh-Cửa lấp TPVT	TT Phát triển quỹ đất	836m	91,873	50,948	12,000			
91	Đường QH D15 khu du lịch Chi Linh-Cửa lấp TPVT	TT Phát triển quỹ đất	1.121,8m	44,111	17,438	5,000			
92	Cải tạo sửa chữa hoàn thiện cơ sở vật chất trường Cao đẳng sư phạm tỉnh BR-VT	Trường Cao đẳng sư phạm tỉnh BR-VT	8.835 m2	132,890	23,550	20,000	20,000		

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quy mô xây dựng	Giá trị công trình	Đã đầu tư đến hết năm 2015	KH 2016			Ghi chú
						Tổng số	Trong đó vốn XSKT	Trong đó BTGPMB	
93	XD cơ sở 2 trường Cao đẳng nghề tại TP Vũng tàu	Trường Cao đẳng nghề tỉnh BR-VT	1.500 học viên	115,500	24,000	20,000	20,000		
94	Trại thực nghiệm nuôi thủy sản nước ngọt tỉnh BR-VT	Trung tâm Khuyến nông-Khuyến ngư	31.436m2	23,534	13,000	8,000			
95	Bệnh viện đa khoa huyện Long điền	Sở Y tế	100 giường	180,134	88,796	30,000	30,000		
96	Bệnh viện y học cổ truyền tỉnh BR-VT	Sở Y tế	100 giường	178,853	80,486	30,000	30,000		
97	Mở rộng bệnh viện huyện Tân thành	Sở Y tế	100 giường	69,294	15,019	20,000	20,000	10,000	
98	Trang thiết bị y tế BV Bà Rịa	Sở Y tế		637,277	585,631	20,000			
99	Trung tâm y tế huyện Côn đảo	Sở Y tế		45,871	27,500	12,000	12,000		
100	Xây dựng mới bệnh viện tâm thần	Sở Y tế	150 giường bệnh	182,787	108,568	30,000	30,000		
101	Đầu tư nâng cấp trang thiết bị y tế tuyến cơ sở	Sở Y tế	7 TT Y tế, 6 phòng khám khu vực; 79 trạm y tế	115,061	12,000	20,000	20,000		
102	Hạ tầng khu nhà ở cho công nhân trong khu công nghiệp	Sở Xây dựng	14,47 ha, 1.012 căn hộ	173,595	144,503	15,000			
103	Nhà bảo tàng Tỉnh	Sở VH-TT và DL	12.500m2	139,076	99,130	12,000			
104	Đầu tư xây dựng nhà bia tưởng niệm Thanh Niên Xung phong Tỉnh BR-VT	Sở VH-TT và DL		4,221	2,000	2,000			
105	Công trình bảo vệ bờ biển Bến lới	Sở NN và PTNT	800 m	46,522	18,485	6,000			Vốn TW 20 tỷ đồng
106	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá cửa sông Dinh	Sở NN và PTNT	1.095 tàu cá	44,597	25,643	6,000			TMĐT 130.612 tr, trong đó vốn ĐP 44.597 tr
107	Nâng cấp đê Hải Đăng	Sở NN và PTNT	3.458 m	114,975	44,000	3,000			Vốn TW 27.453 triệu đồng
108	Nâng cấp mở rộng Trại heo giống tỉnh BR-VT	Sở NN và PTNT	4.000 con giống/năm	72,589	44,043	15,000			
109	XD HTKT phục vụ sản xuất, chế biến và lưu thông muối trên địa bàn tỉnh BR-VT	Sở NN và PTNT	375 ha	42,338	12,050	8,000			
110	Công trình bảo vệ bờ biển Lộc An 1	Sở NN và PTNT	621 m	34,928	5,000	5,000			
111	Nâng cấp, mở rộng Trung tâm Bảo trợ trẻ em Vũng Tàu	Sở LĐ-TBXH	300 đối tượng	110,896	67,000	18,000			

S T T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quy mô xây dựng	Giá trị công trình	Đã đầu tư đến hết năm 2015	KH 2016			Ghi chú
						Tổng số	Trong đó vốn XSKT	Trong đó BTGPMB	
112	XD VP làm việc, sửa chữa cải tạo khu cai nghiện tự nguyện và đường nội bộ Trung tâm GDLD-DN Phú Mỹ	Sở LD-TBXH		65,681	51,799	10,000			
113	Sửa chữa Trung tâm giáo dục lao động dạy nghề Xuyên Mộc	Sở LD-TBXH	117,75 ha	31,146	22,000	7,000			
114	Dự án tăng cường tiềm lực trang thiết bị cho Trung tâm ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	1.572 m2	31,510	4,000	10,000			
115	Cải tạo, sửa chữa 9 tuyến đường trên địa bàn Tỉnh (Thủy văn, 3/2, Láng cát-Long sơn, đường ven biển, tỉnh lộ 44B, đường vào suối nước nóng Bình châu, Xã bang-Láng lớn, ranh giới Phước bình, Kim long-Quảng thành)	Sở GTVT	40,37km	255,725	243,000	8,000			
116	Đường 30/4 đoạn từ ngã 3 Chỉ linh đến Eo Ông từ	Sở GTVT	7,2 km	948,723	297,092	170,000		70,000	Thu hồi tạm ứng NS 50.969 tr đồng
117	Đường Bình ba-Đá bạc-Phước tấn (thuộc DA Đường Hội bãi-Châu pha-Đá bạc-Phước tấn giai đoạn 2)	Sở GTVT	24,518km	704,889	376,500	90,000			
118	Nâng cấp đường Ấp Bắc xã Hòa long di thôn Quảng phú xã Đá bạc	Sở GTVT	5,888km	172,440	149,304	15,000			
119	Nâng cấp mở rộng đường Mỹ xuân-Ngãi giao-Hòa bình	Sở GTVT	20,7 km	265,126	200,838	30,000			
120	Quốc lộ 56-tuyến tránh thị xã Bà Rịa	Sở GTVT	12,187 km	733,842	202,000	55,000		3,536	Thu hồi tạm ứng NS 3.536 tr đồng
121	Tỉnh lộ 765	Sở GTVT	12,036km cầu 33,9m, đường và cầu 226,18m	289,605	236,437	30,000			
122	Sửa chữa nâng cấp cầu Tầm Bó đường Kim Long-Quảng Thành huyện Châu Đức	Sở GTVT		25,337	8,000	8,000			
123	Sửa chữa cải tạo các vị trí mất ATGT tại 8 tuyến đường trên địa bàn tỉnh	Sở GTVT		145,331	23,000	25,000			
124	Trường THPT Liên phường: Phường 10 + Phường 11 và Phường 12 tại Tp Vũng Tàu	Sở GD và ĐT	36 phòng học	164,892	3,349	20,000	20,000	19,000	
125	Mở rộng trường THPT Hòa bình huyện Xuyên mộc	Sở GD và ĐT	18 phòng học	59,696	10,000	10,000			

S T T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quy mô xây dựng	Giá trị công trình	Đã đầu tư đến hết năm 2015	KH 2016			Ghi chú
						Tổng số	Trong đó vốn XSKT	Trong đó BTGPMB	
126	Mở rộng trường THPT Trần Phú huyện Châu Đức	Sở GD và ĐT	2.930 m2	73,094	21,000	15,000	15,000		
127	Nâng cấp cải tạo trường THPT Châu thành thị xã Bà Rịa	Sở GD và ĐT	1.277m2	31,348	10,000	8,000	8,000		
128	Mở rộng khuôn viên, nâng cấp trường THPT Long Hải- Phước Tỉnh	Sở GD và ĐT	Tăng thêm 7.200m2 đất	46,194	9,000	15,300	15,300		
129	Mở rộng trường THPT Hắc Dịch	Sở GD và ĐT	Tăng thêm 8.978,3m2 đất	49,928	7,000	10,000	10,000		
130	Ngầm hóa lưới điện hạ thế thị xã Bà Rịa	Sở Công thương	34,004 km	139,900	90,074	28,000			
131	Đầu tư xây dựng 24 tuyến điện hạ thế nông thôn	Sở Công thương	87,141km hạ thế; 2.000KVA	33,719	15,000	14,000			
132	Đường dây hạ thế và trạm biến áp phục vụ sản xuất dọc tuyến kênh chính Hồ Sông Ray	Sở Công thương	16.216m hạ thế; 975KVA	8,342	7,000	1,600			
133	Sửa chữa, nâng cấp các trạm quản lý bảo vệ rừng số 4, số 5 và số 8 khu BTTN Bình Châu - Phước Bửu.	Khu BTTN BC-PB	1542 m2	5,563	3,000	2,500			
134	Trạm tiếp sóng chương trình PT-TH tại huyện Côn đảo	Đài PTTH tỉnh	300W	40,930	16,259	12,000			Vốn ODA Pháp: 458.604,4 tr (16,0 triệu EUR); vốn đối ứng: 674.285 triệu đồng
135	Dự án ODA thu gom và xử lý nước thải TP Vũng tàu	Cty Thoát nước và PT đô thị tỉnh BR-VT	20.000 m3/ngày	674,285	467,960	30,000			Tổng mức: 548,6 tỷ, Đối ứng 348,576 tỷ (XL: 236,162 tỷ, đền bù: 20 tỷ, Khác: 60,725 tỷ, dự phòng 31,689 tỷ). ODA: 200,024 tỷ
136	Dự án thu gom và xử lý nước thải thị xã Bà Rịa (ODA Thụy sĩ)	Cty Thoát nước và PT đô thị tỉnh BR-VT	12.000m3/ ngày đêm	348,576	34,172	30,000			
137	Thay thế các hố ga thu hiện hữu bằng hố ga ngăn mùi kiểu mới	Cty Thoát nước và PT đô thị tỉnh BR-VT	21.272 hố ga	209,443	126,999	5,000			

S T T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quy mô xây dựng	Giá trị công trình	Đã đầu tư đến hết năm 2015	KH 2016			Ghi chú
						Tổng số	Trong đó vốn XSKT	Trong đó BTGPMB	
138	Hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp Phú Mỹ 1	Cty ĐTKT HTKT KCN ĐX&PM1	954,4 ha	1,722,700	1,529,895	80,000			
139	Trạm xử lý nước thải KCN Phú Mỹ giai đoạn 2	Cty ĐTKT HTKT KCN ĐX&PM1	1.500m3/ngày đêm	27,984	15,084	8,000			
140	Tuyến cống thoát nước mưa T4 Khu công nghiệp Phú Mỹ 1	Cty ĐTKT HTKT KCN ĐX&PM1	605m x (2,5x2,5)/2 + 60m (10x2,5)	63,976	24,796	15,000			
141	Bãi chứa rác tạm tại xã Tóc Tiên (HTKT khu xử lý chất thải tập trung Tóc Tiên huyện Tân thành)	Công ty Môi trường tỉnh BR-VT	100 ha	137,625	100,627	5,000			
142	Trại tạm giam thuộc Công an tỉnh BR-VT (NS tính hỗ trợ 50% vốn đầu tư)	Công an Tỉnh	700 chỗ	40,000	29,000	7,000			
143	Trụ sở công an phường Long tâm TXBR	Công an Tỉnh	589 m2	8,414	3,000	4,000			
144	Trụ sở công an phường Long toàn TXBR	Công an Tỉnh	553 m2	8,229	1,000	4,000			
145	Cảng tàu khách Côn đảo	BQL Cảng Bến đầm	50md	158,406	47,287	5,000			Vốn TW 131.343 triệu đồng
146	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Côn Đảo	BQL Cảng Bến đầm		39,346	20,000	10,000			
147	Nhà ở xã hội cho lực lượng vũ trang thuộc BCHQS Tỉnh tại phường 4 TPVT	BCHQS Tỉnh	114 căn hộ	113,116	55,000	15,000			
148	Xây dựng khu Bệnh xá; Nhà ở Công vụ cho sỹ Quan và Trung đoàn dự bị động viên của Bộ chỉ huy Quân sự Tỉnh	BCHQS Tỉnh	12.424m2	108,857	56,069	40,000			
149	Trường huấn luyện và tập huấn BDBP tỉnh BR-VT	BCH Biên phòng Tỉnh	11 ha, 150 cán bộ, chiến sỹ	55,598	24,000	15,200			
150	Xây dựng mới các trạm kiểm soát biên phòng Phước Tỉnh, Long Hải, trạm quan sát phòng không Bến Đá và sửa chữa các đồn biên phòng: Long sơn, Chí Linh; trạm kiểm soát biên phòng: cửa khẩu cảng Vũng Tàu, Bến Đá, Bình Châu, Bến Khì; Đội công tác biên phòng: Hải Đăng, Bai Sau, Hồ Cốc	BCH Biên phòng Tỉnh		14,847	5,000	6,000			
151	Trụ sở Ban bảo vệ sức khỏe cán bộ tỉnh tại Bà Rịa	Ban BVSKCB Tỉnh	2.689 m2	43,771	28,940	8,000			
152	XD nhà ở xã hội tại lô số 2 khu tái định cư đường AIII phường 11 TPVT	XN QL và KD nhà	440 căn hộ	238,458	1,864	13,000		13,000	

S T T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quy mô xây dựng	Giá trị công trình	Đã đầu tư đến hết năm 2015	KH 2016			Ghi chú
						Tổng số	Trong đó vốn XSKT	Trong đó BTGPMB	
153	Mở rộng trụ sở Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh	Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh BR-VT	1.257m ²	19,303	6,000	7,000			
C	DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI								
I	Dự án thực hiện BTGPMB, chi khởi công sau khi hoàn thành công tác BTGPMB			2,069,135		500,000		151,101	
1	Trường mầm non Hàng Điều Phường 11	UBND TP Vũng tàu	18 nhóm lớp	67,955		17,000		11,671	
2	Trường THCS phường 11	UBND TP Vũng tàu	31 phòng học	145,084		28,200		10,923	
3	XD nhà tang lễ thành phố Bà Rịa	UBND TP Bà Rịa	3.392m ²	78,541		25,000		22,645	
4	Xử lý môi trường rạch Thủ Lự (tuyến cống hộp thoát nước và xử lý môi trường rạch Thủ Lự) TP Bà Rịa	UBND TP Bà Rịa	2.614m	191,062		45,000		16,621	
5	Đường QH 81 khu đô thị mới Phú Mỹ	UBND H.Tân Thành	1.906 m	181,272		58,000		56,750	
6	Đường QH số 3 xã Phước long thọ	UBND H.Đất đỏ	2.683,44m	131,417		10,000		6,392	
7	Trường tiểu học Bàu Chinh xã Bàu Chinh	UBND H.Châu đức	12 phòng học	58,311		11,000		6,919	
8	Trường mầm non xã Đá bạc huyện Châu đức	UBND H.Châu đức	14 nhóm lớp	61,970		11,000		4,371	
9	Trường tiểu học Phước An xã Suối Nghệ	UBND H.Châu đức	12 phòng học	53,002		11,000		5,800	
10	Đường vào khu dịch vụ hậu cần của khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá cửa sông Dinh	Sở NN và PTNT	2.439,33 m	77,909		13,000		6,209	
B	Dự án khởi công xây dựng mới								
11	Khu bán trú và nhà đa năng trường tiểu học Trần Văn Quan TPBR	UBND TP Bà Rịa	500 HS	25,866		7,000			
12	Trường mầm non xã Tân hải	UBND H.Tân thành	10 nhóm lớp	39,779		7,000			
13	Trường tiểu học xã Tóc tiên	UBND H.Tân thành	18 phòng học	39,555		7,000			
14	Trường THCS Bàu lăm	UBND H.Xuân mội	30 phòng học	81,590		14,000		1,000	
15	Trường tiểu học Kim Đồng xã Hòa Hội	UBND H.Xuân mội	15 phòng học	57,512		11,000		600	
16	Trường mầm non An Nhứt huyện Long Điền	UBND H.Long điền	8 nhóm lớp	35,158		11,000			
17	Đường GT nội vùng DA định canh định cư xã Đá bạc (giai đoạn 2)	UBND H.Châu đức	11.219,97 m	40,782		12,000			
18	Cải tạo nâng cấp hệ thống xử lý nước thải Trung tâm mắt, Trung tâm y tế dự phòng và Trung tâm y tế TP Bà Rịa	Sở Y tế	100m ³ /ngày; 150m ³ /ngày; 100m ³ /ngày	10,712		7,000			

S T T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quy mô xây dựng	Giá trị công trình	Đã đầu tư đến hết năm 2015	KH 2016			Ghi chú
						Tổng số	Trong đó vốn XSKT	Trong đó BTGPMB	
19	Hệ thống xử lý nước thải tại Trung tâm y tế TP Vũng tàu	Sở Y tế		3,413		3,000			
20	Trạm dịch vụ nông nghiệp huyện Long Điền	Sở NN và PTNT	731 m2	6,362		5,000		700	
21	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở Hạt kiểm lâm huyện Xuyên Mộc.	Sở NN và PTNT		4,831		4,000			
22	Sửa chữa Nghĩa trang liệt sỹ tỉnh	Sở LĐ-TBXH		157,000		45,000			
23	Dự án tăng cường tiềm lực trang thiết bị cho Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ		15,637		10,000			
24	Cải tạo sửa chữa Trường THPT Võ Thị Sáu huyện Đất Đỏ	Sở GD và ĐT		50,933		8,000			
25	Cải tạo nâng cấp trường nuôi dạy trẻ khiếm thị huyện Tân Thành	Sở GD và ĐT	4.824 m2	25,347		8,000			
26	Hệ thống pin mặt trời cấp điện cho hệ thống chiếu sáng công cộng trên một số tuyến đường chính trên địa bàn Côn Đảo	Sở Công thương	48 bộ	5,485		5,000			
27	Xây dựng trụ sở Công an huyện Châu Đức	Công an Tỉnh	2,312 m2	22,972		8,000		500	
28	Trụ sở và cảng công vụ của Cảng vụ đường thủy nội địa	Cảng vụ đường thủy nội địa	3.154 m2	46,017		10,000			
29	Xây dựng đường băng cố định phòng cháy chữa cháy rừng tại khu vực núi Minh Đạm	BQL rừng phòng hộ tỉnh BR-VT	2.264 m	20,552		10,000			
30	XD bể chứa nước mưa trên các đảo nhỏ thuộc Vườn quốc gia Côn Đảo	Vườn QG Côn đảo		11,796		5,800			
31	Nhà công vụ cho lực lượng vũ trang Ban chỉ huy quân sự huyện Côn Đảo	BCHQS Tỉnh		92,443		23,000			
32	Xây dựng trụ Sở Bộ chỉ huy Biên phòng Tỉnh tại BR (DA HTKT và các công trình kiến trúc)	BCH Biên phòng Tỉnh		228,870		50,000			
D	Chuẩn bị đầu tư					20,000			
1	Chung cư tái định cư phường Thới Tam, thành phố Vũng Tàu	UBND TP Vũng tàu	504 căn hộ	586,096		300			
2	Trường tiểu học Bình Minh phường Rạch Dừa TPVT	UBND TP Vũng tàu	30 phòng học	86,488		100			

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quy mô xây dựng	Giá trị công trình	Đã đầu tư đến hết năm 2015	KH 2016			Ghi chú
						Tổng số	Trong đó vốn XSKT	Trong đó BTGPMB	
3	Khu tái định cư phường Thắng Nhất TPVT	UBND TP Vũng tàu		50,000		50			
4	Khu tái định cư 10ha trong 58ha phường 10	UBND TP Vũng tàu		100,000		100			
5	Đường hàng điều (đoạn từ 30/4 đến 51C)	UBND TP Vũng tàu	816,84 m	300,000		350			
6	Đường Cầu Cháy TPVT	UBND TP Vũng tàu		300,000		350			
7	Khu tái định cư Bàu Trũng TPVT	UBND TP Vũng tàu		200,000		150			
8	XD nhà tang lễ thành phố Vũng tàu	UBND TP Vũng tàu		80,000		50			
9	Trường tiểu học phường 11 TPVT	UBND TP Vũng tàu	30 phòng học	80,000		80			
10	Trường tiểu học Thắng Nhì TP Vũng Tàu	UBND TP Vũng tàu	35 phòng học	105,000		100			
11	Trường tiểu học phường 10 TP Vũng Tàu	UBND TP Vũng tàu	30 phòng học	131,000		100			
12	Trường tiểu học Phước Cơ phường 12 TPVT	UBND TP Vũng tàu	30 phòng học	126,000		100			
13	Trường mầm non phường 12 TPVT	UBND TP Vũng tàu	18 nhóm lớp	71,000		50			
14	Trường mầm non Phường Nguyễn An Ninh	UBND TP Vũng tàu	18 nhóm lớp	65,000		50			
15	Trường tiểu học phường Thắng Nhất TPVT	UBND TP Vũng tàu		40,000		50			
16	Trường mầm non phường 10 TPVT	UBND TP Vũng tàu		45,000		50			
17	Khu chế biến hải sản tại Vũng tàu	UBND TP Vũng tàu		500,000		300			
18	Hạ tầng kỹ thuật khu TTCN phục vụ di dời các cơ sở tiểu thủ công nghiệp gây ô nhiễm trên địa bàn thành phố Vũng tàu tại Phước Thắng	UBND TP Vũng tàu		150,000		200			
19	Công viên Bàu sen thành phố Vũng tàu	UBND TP Vũng tàu	40,8 ha	189,400		150			
20	Đầu tư 20km đường nội thị TP BR (gd 1)	UBND TP Bà Rịa	9,6 km	400,000		450			
21	Nâng cấp tỉnh lộ 52 TPBR	UBND TP Bà Rịa	5,3km	170,000		250			
22	Đường phía Bắc bệnh viện Bà Rịa mới	UBND TP Bà Rịa	350m	22,000		100			
23	Chung cư lô A, B cho người có thu nhập thấp tại khu tái định cư Gò Cát 6 (giai đoạn 2 - lô A)	UBND TP Bà Rịa	450 căn hộ	370,000		250			
24	Công viên Bà Rịa giai đoạn 2	UBND TP Bà Rịa	32,5 ha	180,000		200			
25	Khu bán trú trường THCS Lê Quang Cường	UBND TP Bà Rịa	300 HS	20,000		40			
26	Trường mầm non Long Phước 2 TPBR	UBND TP Bà Rịa	15 nhóm lớp	60,000		50			
27	Trường THCS Phước Hưng TPBR	UBND TP Bà Rịa	16 phòng học	60,000		50			
28	Trường tiểu học bán trú phường Phước Trung TPBR	UBND TP Bà Rịa	16 phòng học	40,000		50			
29	Kho lưu trữ TP Bà Rịa	UBND TP Bà Rịa	5.500 m2	30,000		50			
30	Trung tu tôn tạo và nâng cấp địa đạo Long Phước	UBND TP Bà Rịa		50,000		50			

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quy mô xây dựng	Giá trị công trình	Đã đầu tư đến hết năm 2015	KH 2016			Ghi chú
						Tổng số	Trong đó vốn XSKT	Trong đó BTGPMB	
31	Khu TĐC phường Phước Hưng	UBND TP Bà Rịa	4,6 ha	40,000		50			
32	Đường N4 vòng quanh bờ hồ Xuyên mội	UBND H.Xuyên mội	3.982m	121,648		150			
33	Đường QH số 2 thị trấn Phước bửu	UBND H.Xuyên mội	2.370,9 m	104,161		100			
34	Nâng cấp mở rộng đường 328 đoạn Phước Bửu-Hồ Trảm	UBND H.Xuyên mội	8,5 km	100,000		100			
35	Trường THCS Bình Châu 2 huyện XM	UBND H.Xuyên mội	22 phòng học	68,710		50			
36	Trường mầm non Đội 1 xã Hòa Bình huyện Xuyên Mội	UBND H.Xuyên mội	8 nhóm lớp	39,100		50			
37	Trường tiểu học Lương Thế Vinh xã Hòa Bình huyện Xuyên Mội giai đoạn 2	UBND H.Xuyên mội	12 phòng học	55,000		50			
38	Trường tiểu học Bồng Trang	UBND H.Xuyên mội	15 phòng học	40,000		50			
39	Trường THCS Hòa Hiệp 2 huyện Xuyên mội	UBND H.Xuyên mội	24 phòng học	115,000		100			
40	Trường mầm non Hòa Hiệp 2, xã Hòa Hiệp;	UBND H.Xuyên mội	15 nhóm lớp	59,436		50			
41	Nâng cấp sửa chữa TT Văn hóa-TDTT huyện Xuyên mội	UBND H.Xuyên mội	4,58 ha	143,189		100			
42	Nâng cấp mở rộng TT YT huyện Xuyên Mội	UBND H.Xuyên mội	200 giường	100,000		100			
43	Đường dân sinh sắt ranh KCN Mỹ Xuân B1-Conac nói từ đường B1 đến đường Mỹ Xuân-Ngãi giao	UBND H.Tân Thành	1.017 m	41,708		50			
44	Đường QH 46 nối dài khu đô thị mới Phú Mỹ	UBND H.Tân Thành		66,216		100			
45	Đường QH S (song song QL51) thị trấn Phú Mỹ	UBND H.Tân Thành	9.093,57 m	265,260		250			
46	Khu tái định cư xã Tân hòa-Tân hải	UBND H.Tân thành	12,7ha; 329 nền đất, 120 căn hộ chung cư	143,627		150			
47	Trường tiểu học xã Hắc dịch	UBND H.Tân thành	10 phòng học	36,100		50			
48	Trường tiểu học Lê Lợi thị trấn Phú Mỹ huyện Tân Thành	UBND H.Tân Thành	24 phòng học	70,000		50			
49	Khu bán trú trường tiểu học Nguyễn Huệ xã Mỹ Xuân	UBND H.Tân Thành		20,000		50			
50	Trường mầm non Hắc Dịch 2	UBND H.Tân Thành	10 nhóm lớp	38,000		50			
51	Trùng tu tôn tạo địa đạo Hắc Dịch	UBND H.Tân thành		64,843		50			
52	Cải tạo mở rộng đường ven biển đoạn từ cầu Cửa Lấp đến Ngã 3 Lò với	UBND H.Long điền	8.415 m	397,975		300			

S T T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quy mô xây dựng	Giá trị công trình	Đã đầu tư đến hết năm 2015	KH 2016			Ghi chú
						Tổng số	Trong đó vốn XSKT	Trong đó BTGPMB	
53	Đường QH số 14 thị trấn Long Hải	UBND H.Long diên	751,74 m	77,493		50			
54	Trường tiểu học Phạm Ngũ Lão thị trấn Long Hải	UBND H.Long diên		30,000		50			
55	Trường mầm non xã An Ngãi huyện Long Điền	UBND H.Long diên	12 nhóm lớp	50,000		50			
56	Trường mẫu giáo Long Hải 4 thị trấn Long Hải	UBND H.Long diên		40,000		50			
57	Trường mầm non Phước Tỉnh 2	UBND H.Long diên		50,000		50			
58	Trường tiểu học Nguyễn Thị Minh Khai xã Phước Tỉnh huyện Long Điền	UBND H.Long diên	29 phòng học	35,000		50			
59	Mở rộng trụ sở Công an huyện Long Điền	UBND H.Long diên	1.925 m2	50,187		50			
60	XD mới dẫn biển phòng 500 xã Phước Tỉnh	UBND H.Long diên	2.742 m2	33,724		50			
61	Trường mầm non Đất Đỏ	UBND H.Đất đỏ	12 nhóm lớp	53,896		50			
62	XD khối bán trú trường tiểu học Nguyễn Thị Hoa thị trấn Đất đỏ	UBND H.Đất đỏ	200 HS	20,547		50			
63	XD khối bán trú trường THCS Đất Đỏ	UBND H.Đất đỏ	150 HS	11,994		30			
64	Đường QH số 2 xã Phước long thọ	UBND H.Đất đỏ	2km	46,821		50			
65	Đường Hải Lâm-Bàu Trú đoạn qua huyện Đất Đỏ	UBND H.Đất đỏ	3.367 m	45,253		100			
66	Trường mầm non xã Long Mỹ	UBND H.Đất đỏ	9 nhóm lớp	45,000		50			
67	Trường tiểu học Phước Long Thọ huyện Đất Đỏ	UBND H.Đất đỏ	12 phòng học	19,360		30			
68	Trường mầm non Lộc An huyện Đất Đỏ	UBND H.Đất đỏ	12 nhóm lớp	22,175		30			
69	Đường B xã Kim Long	UBND H.Châu đức		150,000		200			
70	Đường trung tâm xã Kim Long	UBND H.Châu đức		130,000		150			
71	Đường Bình Ba-Bình Trung	UBND H.Châu đức	5,2km	70,000		100			
72	Trường mầm non Sao Sáng xã Xà Bang	UBND H.Châu đức	12 nhóm lớp	30,000		50			
73	Trường tiểu học Trần Phú xã Suối Rao	UBND H.Châu đức	16 phòng học	50,000		50			
74	Trường tiểu học Sông Cầu xã Nghĩa Thành huyện Châu Đức	UBND H.Châu đức	16 phòng học	50,000		50			
75	Trường mầm non Kim Long xã Kim Long huyện Châu Đức	UBND H.Châu đức	12 nhóm lớp	50,000		50			
76	Trạm y tế các xã Bình Trung, Suối Nghệ, Bình Ba huyện Châu Đức	UBND H.Châu đức		30,000		50			
77	Mở rộng trụ sở UBND thị trấn Ngãi Giao huyện Châu Đức	UBND H.Châu đức	500 m2	20,000		30			
78	Nạo vét hồ Quang Trung I huyện Côn Đảo	UBND H.Côn đảo	17,45 ha	122,970		150			

S T T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quy mô xây dựng	Giá trị công trình	Đã đầu tư đến hết năm 2015	KH 2016			Ghi chú
						Tổng số	Trong đó vốn XSKT	Trong đó BTGPMB	
79	Chợ Côn Đảo	UBND H. Côn đảo	5.705,5 m2	29,989		50			
80	Kho dự trữ lương thực tại Côn Đảo	UBND H. Côn đảo		30,000		50			
81	Trường mầm non Côn Đảo	UBND H. Côn đảo	10 nhóm lớp	50,000		50			
82	Xây dựng nghĩa trang nhân dân Côn Đảo	UBND H. Côn đảo		20,000		30			
83	Chung cư công vụ 2 tại Côn Đảo	UBND H. Côn đảo	50 căn	60,000		50			
84	CSHT khu tái định cư theo quy hoạch Trung tâm Côn Đảo (khu 9a)	UBND H. Côn đảo		28,600		50			
85	Nâng cấp, bổ sung các hệ cấp nước trên địa bàn huyện Xuyên Mộc	TTNSH&VSM T		148,000		150			
86	Mở rộng tuyến ống cấp nước khu vực huyện Đất Đỏ và xã An Nhứt, Tam Phước huyện Long Điền	TTNSH&VSM T		48,615		70			
87	Nâng cấp và bổ sung mạng lưới các hệ cấp nước trên địa bàn huyện Châu Đức	TTNSH&VSM T		148,000		150			
88	Nhà ở xã hội tại phường 12 TP Vũng tàu	TT Quản lý và Phát triển nhà ở	728 căn hộ	1,000,605		500			
89	Nhà ở xã hội tại phường Long Tâm TP Bà Rịa	TT Quản lý và Phát triển nhà ở	350 căn hộ	400,000		300			
90	Hệ thống kênh mương phục vụ sản xuất nông nghiệp khu vực xã Phước Tân, Hoà Bình huyện XM	TT Quản lý khai thác công trình thủy lợi		20,000		50			
91	XD đập dâng Suối Bang huyện Xuyên Mộc	TT Quản lý khai thác công trình thủy lợi		23,898		50			
92	Trụ sở làm việc Trung tâm kiểm định chất lượng công trình giao thông	Trung tâm Kiểm định chất lượng công trình giao thông	538m2	27,996		30			
93	Trụ sở Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh BR-VT	Sở Y tế	1.569 m2	26,556		30			
94	Trang thiết bị BV đa khoa Vũng tàu	Sở Y tế		400,000		300			
95	XD mới Trung tâm y tế huyện Châu Đức	Sở Y tế	100 giường	330,000		300			
96	Cải tạo trung tâm phòng chống bệnh xã hội thành BV Mắt	Sở Y tế		50,000		50			
97	Cải tạo TTYT Long Điền cũ thành BV Lao và bệnh phổi	Sở Y tế		70,000		50			

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quy mô xây dựng	Giá trị công trình	Đã đầu tư đến hết năm 2015	KH 2016			Ghi chú
						Tổng số	Trong đó vốn XSKT	Trong đó BTGPMB	
98	Trụ sở các đơn vị sự nghiệp của tỉnh tại Bà Rịa (công trình kiến trúc và hạ tầng)	Sở Xây dựng		485,000		300			
99	Trụ sở các đơn vị sự nghiệp của tỉnh tại Bà Rịa (San nền)	Sở Xây dựng	5ha; 75.789m ³	83,192		100			
100	Trụ sở UBND tỉnh	Sở Xây dựng		100,000		100			
101	Trụ sở Văn phòng tiếp nhận và trả hồ sơ theo quy trình một cửa của tỉnh	Sở Xây dựng		30,000		50			
102	Trang trí cầu Cỏ May	Sở Xây dựng		20,000		30			
103	XD Tượng đài chiến thắng tiểu đoàn 445 và bia tưởng niệm liệt sỹ D445	Sở VH-TT và DL		10,000		30			
104	Trùng tu tôn tạo các di tích: Khu điều tra xét hỏi, sở cũi chuồng bò, Trại 6 khu B và chuồng cạp Mỹ khu H thuộc khu di tích lịch sử Côn đảo	Sở VH-TT và DL		8,140		30			
105	XD hệ thống thư viện điện tử	Sở VH-TT và DL		14,000		30			
106	Nhà làm việc BQL Di tích Côn Đảo	Sở VH-TT và DL		10,000		30			
107	Bảo tồn tôn tạo di tích lịch sử Côn Đảo giai đoạn 2016-2020	Sở VH-TT và DL		27,464		30			
108	Trung tâm huấn luyện và thi đấu TDTT tỉnh BR-VT	Sở VH-TT và DL		150,000		150			
109	Trụ sở Trung tâm Quan trắc và Phân tích môi trường	Sở Tài nguyên-Môi trường		25,000		30			
110	Đường phân ranh giới rừng phòng hộ khu vực Hồ Tràm huyện XM	Sở NN và PTNT		20,000		30			
111	Hệ thống kênh cấp nước mặt phục vụ nuôi trồng thủy sản khu vực bờ trái cửa Sông Ray	Sở NN và PTNT	5,5 km	115,568		100			
112	XD 3 trạm thanh tra thủy sản tại Vũng Tàu, Đất Đỏ và Xuyên Mộc	Sở NN và PTNT		15,000		30			
113	Trạm kiểm lâm Lộc An-Xuân Sơn-Long Sơn-Núi Dinh	Sở NN và PTNT		20,000		30			
114	Trạm kiểm lâm Hồ Cốc-Bưng Riềng	Sở NN và PTNT		10,000		30			
115	Trụ sở Trạm kiểm lâm Tân Hải	Sở NN và PTNT		3,000		30			
116	Nâng cấp mở rộng Trung tâm Điều dưỡng Người có công Cách mạng Tỉnh BR-VT	Sở LĐ-TBXH		100,000		100			
117	Cải tạo Trung tâm nuôi dưỡng người già neo đơn	Sở LĐ-TBXH		20,000		30			

S T T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quy mô xây dựng	Giá trị công trình	Đã đầu tư đến hết năm 2015	KH 2016			Ghi chú
						Tổng số	Trong đó vốn XSKT	Trong đó BTGPMB	
118	XD mới 2 khu nhà ở cho đối tượng tâm thần tại Trung tâm xã hội	Sở LĐ-TBXH		50,000		50			
119	Khu khoa học công nghệ tại cầu Cỏ May phường 12 TPVTBiển	Sở Khoa học và Công nghệ		30,000		30			
120	Đầu tư nâng cấp đường 329 huyện Xuyên Mộc	Sở GTVT		840,000		350			
121	Nâng cấp, mở rộng đường Tỉnh lộ 328 huyện Xuyên Mộc	Sở GTVT	18,346km	635,985		350			
122	Nhà công vụ giáo viên trường THPT Bưng riềng	Sở GD và ĐT	26 căn hộ	29,249		30			
123	Đầu tư thiết bị dạy và học ngoại ngữ	Sở GD và ĐT		160,219		150			
124	Trường THPT Phước Tinh huyện Long Điền	Sở GD và ĐT		70,000		50			
125	Cải tạo nâng cấp trường THPT Trần Nguyễn Hân TP Vũng Tàu	Sở GD và ĐT		20,000		30			
126	Cải tạo nâng cấp trường THPT Nguyễn Du huyện Châu Đức	Sở GD và ĐT		30,000		30			
127	Đầu tư cải tạo và phát triển lưới điện nông thôn 2016-2020	Sở Công thương	322 km hạ thế; 314,161 KVA	150,000		150			
128	Xây dựng lưới điện ngầm khu vực trung tâm huyện, thành phố	Sở Công thương	97km	317,004		150			
129	Đường dây trung thế cấp điện cho các cụm CN-TTCN	Sở Công thương	11,8km	17,290		30			
130	Hệ thống chiếu sáng đường ven biển Hồ Tràm-Bình Châu	Sở Công thương	13.391m, 240kVA; 338 trụ	20,203		30			
131	Trạm truyền dẫn, phát sóng PT-TH tại Núi Lớn	Đài PTTH tỉnh	70m	61,305		50			
132	Cải tạo nâng cấp và mở rộng trụ sở Đài PTTH tỉnh	Đài PTTH tỉnh		178,000		150			
133	Đầu tư thiết bị số hoá truyền hình	Đài PTTH tỉnh		100,000		100			
134	Thu gom, xử lý và thoát nước đô thị mới Phú Mỹ	Cty Thoát nước và PT đô thị tỉnh BR-VT	29.700m3/ngày; 123.886 m cống	536,708		500			
135	Thu gom, xử lý nước thải đô thị Long Điền	Cty Thoát nước và PT đô thị tỉnh BR-VT	19.500m3/ngày đêm	426,960		400			

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quy mô xây dựng	Giá trị công trình	Đã đầu tư đến hết năm 2015	KH 2016			Ghi chú
						Tổng số	Trong đó vốn XSKT	Trong đó BTGPMB	
136	Thu gom, xử lý nước thải khu vực Long Sơn, Gò Găng TPVT	Cty Thoát nước và PT đô thị tỉnh BR-VT	13.200m3/ngày đêm	260,171		300			
137	Trụ sở Chi cục Bảo vệ môi trường tại thị xã Bà Rịa	Chi cục Bảo vệ môi trường	993m2	21,124		30			
138	Nâng cấp hồ chứa nước tại khu vực Núi Dinh phục vụ chữa cháy rừng	BQL rừng phòng hộ tỉnh BR-VT		20,000		30			
139	Bến cập tàu tại Hòn Bảy Cạnh, Hòn Cau, Hòn Tài	Vườn QG Côn Đảo		60,000		50			
140	Khu điều dưỡng cán bộ của tỉnh tại Bình châu	VP Tỉnh ủy		200,000		100			
141	Trụ sở Báo Bà Rịa-Vũng Tàu	Ban biên tập báo BR-VT		50,000		50			
142	Hỗ trợ đầu tư mở rộng trụ sở viện kiểm sát nhân dân các huyện Tân Thành, Xuyên Mộc, Châu Đức và TP Bà Rịa	Viện KSNĐ tỉnh		15,000		30			
143	Hỗ trợ xây dựng trụ sở Cảnh sát PC và CC Tỉnh	CS PC và CC tỉnh		150,000		150			
144	Trạm kiểm soát giao thông đường thủy tại Cái Mép	Công an Tỉnh	2.696 m2	22,000		30			
145	Trụ sở công an phường 7 TPVT	Công an Tỉnh	720 m2	8,000		30			
146	Trụ sở Ban chỉ huy QS Thành phố Bà Rịa	BCHQS Tỉnh		116,030		100			
147	Cải tạo nâng cấp kho K694 tại xã Châu pha huyện Tân Thành	BCHQS Tỉnh		20,000		30			
148	Doanh trại d CB 792 Côn Đảo	BCHQS Tỉnh		50,000		50			
149	Trung tâm giáo dục Quốc phòng	BCHQS Tỉnh		300,000		250			
	<i>Các dự án xin vốn TW</i>								
150	Nạo vét cải tạo kênh Bến Đình	UBND TP Vũng Tàu		877,000		500			Xin vốn TW
151	Đường trục phía Bắc trung tâm Côn Đảo	UBND H.Côn đảo		559,571		350			Xin vốn TW
152	Nâng cấp mở rộng cảng Bến Đầm	UBND H.Côn đảo		370,672		300			Xin vốn TW
153	Cải tạo nâng cấp đường Cỏ Ống-Bến Đầm	UBND H.Côn đảo	24 km	323,000		300			Xin vốn TW
154	Hệ thống thu gom và xử lý nước thải Côn Đảo	UBND H.Côn đảo		170,000		150			Xin vốn TW
155	Nhà máy xử lý rác thải Côn Đảo	UBND H.Côn đảo		322,000		200			Xin vốn TW
156	Nâng cấp hệ thống cấp nước Cỏ Ống, Bến Đầm	UBND H.Côn đảo	500m3/ngày đêm	70,000		50			Xin vốn TW
157	Hồ chứa nước ngọt Bung Bèo-Cỏ Ống	UBND H.Côn đảo		100,000		100			Xin vốn TW

S T T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quy mô xây dựng	Giá trị công trình	Đã đầu tư đến hết năm 2015	KH 2016			Ghi chú
						Tổng số	Trong đó vốn XSKT	Trong đó BTGPMB	
158	Xây dựng kết cấu hạ tầng khu Trung tâm Côn Đảo	UBND H.Côn đảo		531,000		300			Xin vốn TW
159	Đường Mỹ xuân-Ngãi giao-Hòa bình đoạn từ cầu Suối lúp đến đường 765	UBND Huyện Châu Đức	6.760 m	319,328		300			Xin vốn TW
160	Đường Ngãi Giao-Cù Bị giai đoạn 2	UBND Huyện Châu Đức	7 km	180,000		200			Xin vốn TW
161	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá tại Lộc An	Sở NN và PTNT	1.000 chiếc/ 200cv	441,420		250			Xin vốn TW
162	Nâng cấp đê Chu Hải	Sở NN và PTNT	Ngăn mặn 3.900ha	184,971		200			Xin vốn TW
163	Công trình bảo vệ bờ biển Hồ Tràm	Sở NN và PTNT	2.360m	135,521		200			Xin vốn TW
164	Nâng cấp, mở rộng Cảng cá Lộc An	Sở NN và PTNT	38ha	307,533		250			Xin vốn TW
165	Nâng cấp, mở rộng Cảng cá Tân Phước, xã Phước Tỉnh	Sở NN và PTNT	75ha	304,665		250			Xin vốn TW
166	Đường Long Sơn-Cái Mép	Sở Giao thông vận tải	3.770 m	990,000		500			Xin vốn TW
167	Vườn Quốc gia Côn Đảo (Các hồ chứa nước ngọt, bể chứa nước mưa, bảo tàng tự nhiên Côn Đảo, đường tuần tra bảo vệ rừng kết hợp du lịch sinh thái, cầu tàu tuần tra bảo vệ tài nguyên rừng kết hợp du lịch sinh thái, xây dựng các trạm kiểm lâm Ông Đụng, Đầm Tre và Bãi Dượng; Vườn sưu tập động thực vật kết hợp vườn giống)	Vườn QG Côn Đảo		447,100		200			Xin vốn TW



PHỤ LỤC 02

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2016 NGUỒN VỐN TRÁI PHIẾU CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG

(Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 30 /2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 của HĐND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu)

Đơn vị tính: Triệu đồng

S T T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quy mô xây dựng	Giá trị công trình	Đã đầu tư đến hết năm 2015	KH 2016	Ghi chú
	Tổng số					500,000	
1	Đường Phước hoà-Cái mép	Sở GTVT	4.438,78m	1,243,089	50,100	300,000	
2	Kênh nội đồng hồ chứa nước sông Ray.	Sở NN và PTNT	83,24 km; tưới 7.340 ha	417,942	50,050	80,000	
3	XD mới BV thành phố Vũng tàu	Sở Xây dựng	350 giường	435,519	127,705	120,000	

